

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Bà Hoàng Thị Len.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn TVN, xã VC, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

*** Bị đơn:** Chị **Trần Thị T** - Sinh năm 1993.

ĐKKH: Thôn TVN, xã VC, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Taiwan. T Shi. W ren. Qu Z San Lu.A Duan B Hao.

(Anh N có mặt, chị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - anh Nguyễn Văn N trình bày:** Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện KX,

tỉnh Thái Bình ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2016 chị T cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Cuối năm 2017 anh về nước, chị T vẫn ở lại Đài Loan nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T.

Anh và chị Trần Thị T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/5/2013. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Anh và chị Trần Thị T không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - chị Trần Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do vợ chồng sống xa cách không thường xuyên liên lạc với nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh N xin ly hôn, chị đồng ý.

Chị và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/5/2013. Ly hôn, chị đồng ý để anh N nuôi con đến lúc chị về nước, sau đó sẽ xem xét nguyện vọng của con. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị và anh Nguyễn Văn N không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản của Tòa án, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Chị Trần Thị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 04/6/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng tăng hai bên sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh N xin ly hôn, chị T đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/5/2013. Ly hôn, anh N, chị T thỏa thuận anh N nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn N nuôi con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/5/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Nguyễn Văn N nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005273 ngày 14/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Thị T. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VC. h. KX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Phương Thảo

